

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ NINH
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30/11/2022

V/v tranh chấp về ly hôn, con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ NINH, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Thu Hường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hoa

2. Bà Nguyễn Thị Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 167/2022/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp về ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Phú Thọ, giữa:

Nguyên đơn: Chị Triệu Thị V, sinh năm 1976; nơi cư trú: Khu 11, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ, có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1976; nơi cư trú: Khu 11, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa các đương sự trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị V và anh Nguyễn Văn T đều xác nhận hai bên tự do tìm hiểu và chung sống như vợ chồng từ năm 1995, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu hai bên chung sống hoà thuận, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T chơi bời, không quan tâm đến gia đình nên cuộc sống chung không có hạnh phúc.

Chị V đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn. Anh T chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

2. Về con chung: Chị V và anh T đều xác nhận quá trình chung sống anh

chị sinh được 03 con chung là cháu Nguyễn Thị T1, sinh ngày 01/9/1997; cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 25/2/2000 và cháu Nguyễn Thị Thanh T2, sinh ngày 02/6/2013. Hiện nay cháu Thanh và cháu Đ đã thành niên, lao động tự túc được nên anh, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với cháu T2 chưa thành niên, chị V và anh T thống nhất thỏa thuận để chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị V không yêu cầu.

3. Về tài sản chung:

Tại đơn khởi kiện chị V đề nghị Tòa án chia tài sản chung gồm:

- Thừa đất số 480, tờ bản đồ số 11, diện tích 1455,7m² tại khu 11, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ và các tài sản trên đất gồm 01 ngôi nhà cấp bốn có diện tích khoảng 70m², 02 gian nhà bếp, 02 gian chuồng lợn.

- Thừa đất số 740, tờ bản đồ số 11, diện tích 326,4m² tại khu 11, xã P, huyện P, tỉnh Phú Thọ đã được UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 763722 ngày 06/7/2016 cho người sử dụng là ông Nguyễn Văn T và bà Triệu Thị V.

Tại Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 18/10/2022 và tại phiên tòa, chị V xin rút yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

4. Về nợ chung, công sức đóng góp: Chị V và anh T đều không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về ly hôn, nuôi con chung, nợ chung, công sức đóng góp và rút yêu cầu chia tài sản chung. Bị đơn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký, các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14, 15, khoản 2 Điều 53, Điều 71, 72, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Tòa án xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị V, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh T. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị V và anh T về việc chị V được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị T1 T2, sinh ngày 02/6/2013 cho đến khi cháu T2 thành niên, lao động tự túc được; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị V tự nguyện không yêu cầu. Về tài sản chung: Chị V rút yêu cầu chia tài sản chung nên cần đình chỉ theo quy định. Về nợ chung và công sức đóng góp: Không đề

ngợi Tòa án giải quyết. Về án phí: Buộc chị V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật; do đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung nên cần trả lại số tiền tạm ứng án phí cho chị V theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

- Xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn có nơi cư trú tại huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ nên Tòa án nhân dân huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ thụ lý, xét xử là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

- Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn thấy rằng:

Căn cứ vào sự thừa nhận của các đương sự và kết quả xác minh, thu thập chứng cứ tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P tỉnh Phú Thọ thì chị V và anh T bắt đầu chung sống cùng nhau từ năm 1995, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương nhưng không có Đăng ký kết hôn. Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì việc kết hôn phải được Đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện, trường hợp không Đăng ký kết hôn thì không phát sinh quan hệ vợ chồng, nếu một trong hai bên có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng. Do đó, cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị V và anh T là phù hợp.

- Xét yêu cầu về con chung của nguyên đơn thấy rằng:

Chị V và anh T đều xác nhận quá trình chung sống anh chị có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị T1, sinh ngày 01/9/1997; cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 25/2/2000 và cháu Nguyễn Thị T1 T2, sinh ngày 02/6/2013. Hiện nay cháu Thanh và cháu Đ đã thành niên và lao động tự túc được nên anh, chị không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không đề cập xem xét.

Đối với cháu T2 chưa thành niên chị V và anh T thống nhất thỏa thuận để chị V trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên, lao động tự túc được. Chị V tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Xét thấy đây là ý chí tự nguyện của các bên cần ghi nhận.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Chị V khởi kiện đề nghị Tòa án chia tài sản chung nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị V xin rút yêu cầu chia tài sản chung. Xét thấy việc rút yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung của chị V là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung.

- Về nợ chung, công sức đóng góp: Chị V và anh T đều không đề nghị giải quyết nên Tòa án không đề cập xem xét là phù hợp.

[3]. Về án phí: Chị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và hoàn trả cho chị V tiền tạm ứng án phí về chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 69, 71, 72, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình 2014; khoản 4 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 18, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị V.

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Triệu Thị V với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung:

Xác nhận quá trình chung sống chị Triệu Thị V và anh Nguyễn Văn T có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị T1, sinh ngày 01/9/1997; cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 25/2/2000 và cháu Nguyễn Thị Thanh T2, sinh ngày 02/6/2013. Hiện nay cháu T1 và cháu Đ đã thành niên, lao động tự túc được nên anh, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị V và anh T về việc: Chị V được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị T1 T2, sinh ngày 02/6/2013 cho đến khi con chung thành niên, lao động tự túc được; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị V tự nguyện không yêu cầu.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung của chị V. Đương sự có quyền khởi kiện lại về chia tài sản chung.

4. Về nợ chung, công sức đóng góp: Chị V và anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

5. Về án phí:

- Buộc chị Triệu Thị V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị V đã nộp đủ số tiền trên theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0001545 ngày 05/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Phú Thọ.

- Hoàn trả cho chị Triệu Thị V 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0001546 ngày 05/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt được quyền kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện P, tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- UBND xã P, P, Phú Thọ;
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phùng Thị Thu Hương